

# CẦU CHỦ ĐỘNG MUA GIÁ THẤP

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư tiếp tục xem xét mở vị thế mua trading ngắn hạn khi VN-Index giảm về vùng hỗ trợ quanh 1.250-1.260 điểm. Tập trung ở các ngành có triển vọng lợi nhuận quý 4 tích cực.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275-1.288 điểm.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

PVD

MUA

↑ 10,17%

VND26.000

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai (16/12) trong trạng thái không đồng nhất của các chỉ số, khi đà tăng của cổ phiếu công nghệ đưa Nasdaq lập kỷ lục mới.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Dòng tiền yếu, cùng sự thận trọng của nhà đầu tư khiến thị trường chứng khoán trong nước có thêm một phiên giao dịch đi ngang, với VN-Index đóng cửa sát tham chiếu. Dòng tiền tiếp tục tìm kiếm cơ hội ở nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ. Thị trường đang trong nhịp tích lũy kiểm chứng động lực quanh vùng hỗ trợ 1260 và lực cầu đã có tín hiệu tham gia giải ngân trở lại ở vùng giá chiết khấu hấp dẫn. Nhà đầu tư tiếp tục xem xét mở vị thế mua trading ngắn hạn khi VN-Index giảm về vùng hỗ trợ quanh 1.255-1.260 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	43.717,48	-0,25	15,99
S&P 500	6.074,08	0,38	27,34
Nasdaq	20.173,89	1,24	34,39
VIX	14,69	6,37	17,99
DAX	20.313,81	-0,45	21,26
FTSE 100	8.262,05	-0,46	6,84
CAC40	7.357,08	-0,71	-2,47
Hang Seng	19.678,03	-0,59	15,43

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	56,27	BUY
MACD (12,26)	5,36	BUY
ADX (14)	16,37	NEUTRAL
SMA5	1.266,93	SELL
SMA20	1.248,85	BUY
SMA50	1.256,45	BUY
SMA100	1.257,89	BUY
SMA200	1.259,41	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 0,58 USD/thùng, tương đương giảm 0,8%, chốt ở mức 73,91 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 0,58 USD/thùng, tương đương giảm gần 0,8%, chốt ở mức 70,71 USD/thùng.
- Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), so với cùng kỳ năm 2023, xuất khẩu cá tra Việt Nam trong 11 tháng đầu năm nay ghi nhận kết quả tích cực hơn. Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu cá tra tháng 11 đạt 179 triệu USD, tăng 16%. Lũy kế xuất khẩu cá tra tính đến hết tháng 11 đạt 1,8 tỷ USD, tăng 10%.
- Thông tin tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2024, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2025 diễn ra chiều 16/12, Tổng cục Hải quan ước tính xuất nhập khẩu năm nay có thể vượt mốc 780 tỷ USD. Tính đến ngày 14/12, tổng trị giá xuất nhập khẩu đạt 745,38 tỷ USD, tăng 15,35% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 384,4 tỷ USD, tăng 14,46% và nhập khẩu đạt 360.98 tỷ USD, tăng 16,32%.
- **FPT:** Theo báo cáo kết quả kinh doanh của CTCP FPT, doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong 11 tháng đạt 56.404 tỷ đồng và 10.239 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 20% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 7.302 tỷ đồng, tăng 21% so với 11 tháng đầu năm ngoài.
- **VHC:** Trong tháng 11/2024, Vĩnh Hoàn ghi nhận tổng doanh thu đạt 968 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước và giảm 20% so với doanh thu tháng 10/2024. Trong đó, nếu xét theo thị trường tiêu thụ, thị trường Mỹ ghi nhận 298 tỷ đồng, tăng 40%; thị trường châu Âu ghi nhận 163 tỷ đồng, tăng 32%; thị trường Trung Quốc ghi nhận 80 tỷ đồng, tăng 32%; thị trường nội địa ghi nhận 297 tỷ đồng, giảm 9%; và các thị trường khác ghi nhận 130 tỷ đồng, giảm 1%.
- **DIG:** Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng sẽ chào bán 200 triệu cổ phiếu để huy động 3.000 tỷ đồng, số tiền huy động để đầu tư dự án và thanh toán trái phiếu.
- **DCM:** Sản lượng sản xuất urê tháng 11/2024 của Đạm Cà Mau đạt 82,32 nghìn tấn, trong khi sản lượng tiêu thụ trong tháng đạt hơn 52,15 nghìn tấn (tiêu thụ trong nước đạt 30,8 nghìn tấn và xuất khẩu đạt 21,35 nghìn tấn). Lũy kế 11 tháng năm 2024, sản lượng sản xuất urê đạt hơn 870,08 nghìn tấn, so với mục tiêu 892 nghìn tấn trong năm 2024, Đạm Cà Mau đã thực hiện được 98% kế hoạch năm.
- **BID:** Ngày 24/12 tới đây, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam sẽ chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu để chia trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.656,95	0,16	28,79
Dầu WTI	70,56	-0,21	-1,52
Dầu Brent	73,81	-0,14	-4,19
Than	129,25	-1,15	-11,71
Đồng	9.062,50	0,11	5,88
Quặng sắt	105,89	0,10	-23,22
Thép	480,00	-0,52	-14,99

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,787	-0,07	5,38
USD/JPY	154,09	0,04	-8,47
USD/CNY	7,2852	-0,02	-2,54
EUR/USD	1,052	0,08	-4,70
GBP/USD	1,2689	0,05	-0,33

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	493,65	149900	0,27
HPG	450,21	27.000	-0,74
SSI	379,03	26.100	1,16
MWG	220,25	61.000	0,00
DXG	164,60	17950	0,84

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	520.344,40	93.100	0,00
BID	266.495,38	46.750	0,75
FPT	220.513,27	149900	0,27
CTG	194.662,20	36.250	-0,28
HPG	172.698,76	27.000	-0,74

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# PVD

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng giải ngân**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**MUA**
**23.900**
**26.000**
**10,17%**
**23.000-23.600**
**<22.400**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- 9 tháng đầu năm, doanh thu của PVD đã đạt 6,5 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 52% so cùng kỳ. Lãi ròng tăng 14% khi đạt 504 tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu đến từ giá thuê ngày trung bình tăng 24% so cùng kỳ và các giàn khoan thuộc sở hữu đều hoạt động với hiệu suất tối đa. Đồng thời có sự đóng góp từ 2 giàn khoan mới thuê. Giá thuê theo ngày trung bình trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024 của giàn khoan tự nâng là 92.257 USD/ngày.
- PVD kỳ vọng rằng giá thuê theo ngày trung bình trong năm 2024 sẽ đạt mức 97.000 USD/ngày, từ đó cho thấy triển vọng cải thiện đáng kể trong quý 4.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- PVD đang tạo vùng dao động tích lũy đi ngang trên đường MA20 ngày. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu PVD, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 23.000-23.600 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	0	0	0
LNTT (tỷ đ)	0	0	0
LNST (tỷ đ)	0	0	0
Nợ/VCSH (%)	27	22	20
ROE (%)	-1,00	3,18	4,53
ROA (%)	-0,49	2,77	3,03
EPS (VNĐ)	0	0	0,04
P/E (lần)		34,3	23,94
P/B (lần)	0,71	1,07	0,84

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>NEUTRAL</b>	<b>SELL</b>	<b>SELL</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
RSI (14)	47,56	BUY	
MACD (12,26)	-0,24	SELL	
ADX (14)	28,65	BUY	
SMA5	23.820	SELL	
SMA20	23.650	BUY	
SMA50	24.870	SELL	
SMA100	25.950	SELL	
SMA200	28.530	SELL	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	TCB	Theo dõi	23,5-23,9			26,3	22,7			
2	VPB	Theo dõi	18,8-19			20,5	17,9			
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			1,23%
2	STB	Nắm giữ	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30			8,25%
3	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,14%
4	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			3,28%
5	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			1,89%
6	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			2,58%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
6	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
7	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
8	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
9	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
10	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
11	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
12	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
13	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
14	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
15	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua tại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI: 1150-1165.

Ngày 10/10/2024

MI CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-12%-18%
Chốt lời 2(50%)	21-22	-18-37%

  

MI CP	MVN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2(50%)	Nằm chờ	

  

MI CP	GVX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2(50%)	25.5-26	-12%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+679,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSS: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)